

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 25 /2018/NQ-HĐND

Thái Bình, ngày 14 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Phê duyệt số lượng, chức danh, chế độ chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ở thôn, tổ dân phố và những đối tượng khác hưởng phụ cấp công tác ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thái Bình

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH KHOÁ XVI KỲ HỌP THỨ BẢY

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;


Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Xét Tờ trình số 223/TTr-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị phê duyệt số lượng, chức vụ cán bộ, chức danh công chức xã, phường, thị trấn; số lượng, chức danh, chế độ chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ở thôn, tổ dân phố và những đối tượng khác hưởng phụ cấp công tác ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thái Bình; Báo cáo thẩm tra số 05/BC-BPC ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt số lượng, chức danh, chế độ chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ở thôn, tổ dân phố và những đối tượng khác hưởng phụ cấp công tác ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thái Bình theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 223/TTr-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2018 (có Phụ lục chi tiết kèm theo). 

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 52/2010/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình về chức danh, số lượng, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố theo Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ và những quy định trước đây trái với Nghị quyết này đều bị bãi bỏ.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình khoá XVI, Kỳ họp thứ bảy thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2019./.

Nơi nhận:

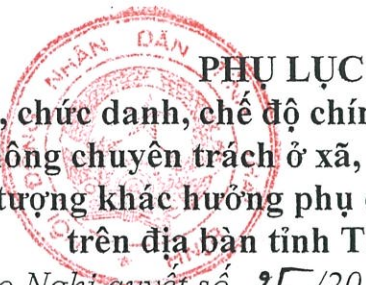
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư Pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy, Thành ủy;
- Thường trực HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Báo Thái Bình; Công báo tỉnh; Cổng thông tin điện tử tỉnh Thái Bình;
- Lưu VTVP.

Chức

CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]
Nguyễn Hồng Diên



PHU LỤC
Số lượng, chức danh, chế độ chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ở thôn, tổ dân phố và những đối tượng khác hưởng phụ cấp công tác ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thái Bình

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số **25** /2018/NQ-HĐND ngày 11/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

A/ NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN, Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ

I. QUY ĐỊNH SỐ LƯỢNG, CHỨC DANH NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN, Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ

1. Những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn (xã phường, thị trấn sau đây gọi chung là cấp xã)

1.1. Số lượng:

a) Đơn vị hành chính cấp xã loại I

- Đơn vị hành chính xã loại I: bố trí không quá 11 người.
- Đơn vị hành chính phường, thị trấn loại I: bố trí không quá 10 người.

Trường hợp phường, thị trấn không có hoạt động nông, lâm, ngư, diêm nghiệp và không có tổ chức Hội Nông dân, thì không bố trí chức danh Phó Chủ tịch Hội Nông dân: bố trí không quá 9 người.

b) Đơn vị hành chính cấp xã loại II

- Đơn vị hành chính xã loại II: bố trí không quá 10 người.
- Đơn vị hành chính phường, thị trấn loại II: bố trí không quá 9 người.

Trường hợp phường, thị trấn không có hoạt động nông, lâm, ngư, diêm nghiệp và không có tổ chức Hội Nông dân, thì không bố trí chức danh Phó Chủ tịch Hội Nông dân: bố trí không quá 08 người.

c) Đơn vị hành chính cấp xã loại III

- Đơn vị hành chính xã loại III: bố trí không quá 10 người.
- Đơn vị hành chính phường, thị trấn loại III: bố trí không quá 09 người.

Trường hợp phường, thị trấn không có hoạt động nông, lâm, ngư, diêm nghiệp và không có tổ chức Hội Nông dân, thì không bố trí chức danh Phó Chủ tịch Hội Nông dân: bố trí không quá 08 người.

1.2. Chức danh:

Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã có 18 chức danh, gồm:

- Phó Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng (đối với đảng ủy cơ sở xã, phường, thị trấn có từ 300 đảng viên trở lên);
- Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; *tb*

- Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam;
- Phó Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam (ở nơi có hoạt động nông, lâm, ngư, diêm nghiệp và có tổ chức Hội Nông dân);
- Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam;
- Phó Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh;
- Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ;
- Chủ tịch Hội Người cao tuổi;
- Văn phòng Đảng uỷ;
- Tạp vụ;
- Chỉ huy phó Ban Chỉ huy Quân sự: Đối với đơn vị hành chính cấp xã loại I, loại II, cấp xã trọng điểm về quốc phòng an ninh được bố trí 02 người; đơn vị hành chính cấp xã loại III được bố trí 01 người;
- Trưởng ban Chăn nuôi - thú y;
- Trưởng Đài truyền thanh;
- Nhân viên Đài truyền thanh;
- Phó Trưởng Công an xã (nơi chưa bố trí lực lượng công an chính quy): Mỗi xã có một Phó trưởng Công an xã được bố trí kiêm nhiệm, riêng đối với đơn vị hành chính xã loại I, loại II do công chức Tư pháp - Hộ tịch thực hiện nhiệm vụ công tác Hộ tịch kiêm nhiệm;
- Công an viên thường trực (Đối với xã): Mỗi xã được bố trí không quá 03 người;
- Trưởng Ban bảo vệ dân phố (Đối với phường, thị trấn);
- Phó trưởng Ban bảo vệ dân phố (Đối với phường, thị trấn).

2. Những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố


2.1. Số lượng: Mỗi thôn, tổ dân phố bố trí không quá 03 người.

2.2. Chức danh: Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố có 03 chức danh, gồm:

- Bí thư Chi bộ thôn, Bí thư Chi bộ tổ dân phố;
- Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố;
- Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố.

II. QUY ĐỊNH CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở CẤP XÃ, Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ

1. Mức phụ cấp hằng tháng

Mức phụ cấp hằng tháng của những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố được hưởng theo hệ số lương cơ sở và theo loại đơn vị hành chính cấp xã; loại thôn, tổ dân phố, cụ thể: 

TT	Chức danh	Hệ số phụ cấp hằng tháng		
		Loại I	Loại II	Loại III
I	Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã:			
1	Phó Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng (đối với đảng ủy cơ sở xã, phường, thị trấn có từ 300 đảng viên trở lên)	0,91	0,88	0,84
2	Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	0,81	0,78	0,74
3	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	0,81	0,78	0,74
4	Phó Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam (ở nơi có hoạt động nông, lâm, ngư, diêm nghiệp và có tổ chức Hội Nông dân)	0,81	0,78	0,74
5	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam	0,81	0,78	0,74
6	Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	0,81	0,78	0,74
7	Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ	0,81	0,78	0,74
8	Chủ tịch Hội Người cao tuổi	0,91	0,88	0,84
9	Văn phòng Đảng ủy	0,91	0,88	0,84
10	Tạp vụ	0,86	0,83	0,79
11	Chỉ huy phó Ban Chỉ huy Quân sự	1,00	1,00	1,00
12	Trưởng ban Chăn nuôi - thú y	1,00	1,00	1,00
13	Trưởng Đài truyền thanh	1,00	1,00	1,00
14	Nhân viên Đài truyền thanh	0,86	0,86	0,86
15	Phó trưởng Công an xã	1,2	1,2	1,2
16	Công an viên thường trực	1,1	1,1	1,1
17	Trưởng ban Bảo vệ dân phố	0,7	0,7	0,7
18	Phó Trưởng ban Bảo vệ dân phố	0,6	0,6	0,6
II	Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố:			
1	Bí thư chi bộ, Trưởng thôn	1,1	1,05	1,00
2	Phó Trưởng thôn	0,78	0,74	0,71
3	Bí thư chi bộ, Tổ trưởng tổ dân phố	1,00	0,95	0,9
4	Tổ phó tổ dân phố	0,75	0,7	0,65

2. Phụ cấp kiêm nhiệm chức danh

a) Người kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và chức danh đối tượng khác hưởng phụ cấp công tác ở thôn, tổ dân phố được kiêm nhiệm tối đa không quá 02 chức danh và được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 50% của mỗi chức danh.

b) Phụ cấp kiêm nhiệm chức danh không dùng để tính đóng, hưởng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế.

3. Chế độ bảo hiểm xã hội

a) Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được tham gia đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội.

b) Trường hợp người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã quy định tại Quyết định số 09/2010/QĐ-UBND ngày 31/8/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh nghỉ công tác do sắp xếp, bố trí lại, nếu có nguyện vọng đóng bảo hiểm xã hội thì được hỗ trợ kinh phí truy thu đóng bảo hiểm xã hội cho thời gian đã công tác theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội và văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

c) Những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố không thuộc đối tượng tham gia đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc.

4. Chế độ bảo hiểm y tế

Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố được hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế bằng 3% mức lương cơ sở theo quy định của pháp luật hiện hành.


5. Chế độ đào tạo, bồi dưỡng

Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ đang đảm nhiệm, chế độ đào tạo, bồi dưỡng thực hiện theo quy định hiện hành.

6. Chế độ mai táng phí

Những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố (trừ những trường hợp đã được hưởng chế độ mai táng phí theo quy định của pháp luật) nếu từ trần khi đang đảm nhiệm chức danh không chuyên trách thì người lo mai táng được trợ cấp mai táng bằng hệ số 5,0 mức lương cơ sở tại tháng mà người hoạt động không chuyên trách từ trần.

7. Chế độ, chính sách khác

Chế độ, chính sách khác của Phó Trưởng Công an, Công an viên thường trực, Chỉ huy phó Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, Bảo vệ dân phố thực hiện theo quy định tại các văn bản pháp luật chuyên ngành. 

B/ NHỮNG ĐỐI TƯỢNG KHÁC HƯỞNG PHỤ CẤP CÔNG TÁC Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Người hưởng phụ cấp công tác ở thôn, tổ dân phố có 5 chức danh, gồm: Công an viên thôn; Thành viên Tổ bảo vệ dân phố; Thôn đội trưởng; Trưởng Ban Công tác Mặt trận; Nhân viên y tế thôn, tổ dân phố.

I. QUY ĐỊNH SỐ LƯỢNG, CHỨC DANH NHỮNG ĐỐI TƯỢNG KHÁC HƯỞNG PHỤ CẤP CÔNG TÁC Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ

1. Công an viên thôn

- Mỗi thôn được bố trí một Công an viên (do Phó Trưởng thôn kiêm nhiệm đối với thôn có bố trí Phó Trưởng thôn). Trường hợp Phó Trưởng thôn không đủ điều kiện, tiêu chuẩn kiêm nhiệm Công an viên thôn thì không bố trí kiêm nhiệm.

- Đối với thôn loại I và thôn thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Công an công nhận xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự được bố trí thêm 01 Công an viên.

2. Thành viên Tổ bảo vệ dân phố (đối với phường, thị trấn)

- Thành viên Tổ Bảo vệ dân phố được bố trí theo Quyết định số 03/2009/QĐ-UBND ngày 13/4/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thành viên Tổ Bảo vệ dân phố (do Tổ phó tổ dân phố kiêm nhiệm đối với tổ dân phố có bố trí Tổ phó tổ dân phố). Trường hợp Tổ phó tổ dân phố không đủ điều kiện, tiêu chuẩn kiêm nhiệm chức danh thành viên Tổ Bảo vệ dân phố thì không bố trí kiêm nhiệm.


3. Thôn đội trưởng

Mỗi thôn được bố trí một Thôn đội trưởng (do Trưởng thôn kiêm nhiệm). Trường hợp Trưởng thôn không đủ điều kiện, tiêu chuẩn kiêm nhiệm Thôn đội trưởng thì không bố trí kiêm nhiệm.

4. Trưởng Ban công tác Mặt trận

Mỗi thôn, tổ dân phố được bố trí một Trưởng Ban Công tác Mặt trận (do Bí thư Chi bộ thôn, Bí thư Chi bộ tổ dân phố kiêm nhiệm). Đối với Chi bộ ghép nhiều tổ dân phố thì bố trí chức danh khác kiêm Trưởng Ban Công tác Mặt trận (trừ tổ dân phố có Bí thư Chi bộ cư trú trên địa bàn).

5. Nhân viên y tế thôn, tổ dân phố

Thôn, tổ dân phố loại I được bố trí không quá 02 Nhân viên y tế; thôn, tổ dân phố loại II, loại III được bố trí 01 Nhân viên y tế. 

II. QUY ĐỊNH CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NHỮNG ĐỐI TƯỢNG KHÁC HƯỞNG PHỤ CẤP CÔNG TÁC Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ

1. Mức phụ cấp hằng tháng

Stt	Chức danh	Hệ số phụ cấp	Phụ cấp bằng tiền
1	Công an viên thôn	1,00	
2	Thành viên Tổ bảo vệ dân phố:		
	Tổ trưởng Tổ Bảo vệ dân phố	0,42	
	Tổ phó Tổ Bảo vệ dân phố	0,38	
	Tổ viên Tổ Bảo vệ dân phố	0,34	
3	Thôn đội trưởng	0,5	
4	Trưởng Ban công tác Mặt trận:		
	Thôn loại I	0,72	
	Thôn loại II	0,68	
	Thôn loại III	0,64	
	Tổ dân phố loại I	0,52	
	Tổ dân phố loại II	0,5	
	Tổ dân phố loại III	0,48	
5	Nhân viên y tế thôn, tổ dân phố	0,3	
	Mức hỗ trợ phụ cấp thêm cho y tế thôn, tổ dân phố kiêm thêm chức năng nhiệm vụ của cộng tác viên dân số		150.000đ/tháng

2. Chế độ bảo hiểm y tế

Những đối tượng khác hưởng phụ cấp công tác ở thôn, tổ dân phố được hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế bằng 3% mức lương cơ sở theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Chế độ, chính sách khác

Chế độ, chính sách khác của những đối tượng khác hưởng phụ cấp công tác ở thôn, tổ dân phố thực hiện theo quy định tại các văn bản pháp luật chuyên ngành./.